

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**LÊ TRỌNG AN**

**ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ  
ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA  
Ở VIỆT NAM**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**  
**NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT**  
**Mã số: 9380106**

**HÀ NỘI - 2026**

**Công trình được hoàn thành tại  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS Tăng Thị Thu Trang**



**2. TS. Ngô Văn Vịnh**



**Phản biện 1:** .....

.....

**Phản biện 2:** .....

.....

**Phản biện 3:** .....

.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện  
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

*Vào hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 2026*

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia Việt Nam  
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong pháp luật hình sự Việt Nam, miễn trách nhiệm hình sự (MTNHS) là chế định thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng có đủ căn cứ, điều kiện luật định để không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS). MTNHS không phủ nhận tính chất phạm tội của hành vi, cũng không đồng nghĩa với dung túng hoặc bỏ qua yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, mà là phương thức xử lý có điều kiện, bảo đảm sự kết hợp giữa tính nghiêm minh và tính nhân đạo của pháp luật hình sự.

Đối với bị can, áp dụng pháp luật (ADPL) về MTNHS trong giai đoạn điều tra là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước của Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQCSĐT), được tiến hành trên cơ sở thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ; xác định căn cứ, điều kiện MTNHS; lựa chọn quy phạm pháp luật và ban hành quyết định tố tụng theo thẩm quyền. Việc áp dụng đúng pháp luật góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị can, bị hại và các chủ thể có liên quan; cá biệt hóa việc xử lý TNHS; tiết kiệm nguồn lực tố tụng, nâng cao hiệu quả điều tra và củng cố tính công bằng, nghiêm minh, nhân đạo của nền tư pháp hình sự.

Về lý luận, các công trình đã công bố chủ yếu nghiên cứu MTNHS dưới góc độ pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) hoặc nghiên cứu ADPL nói chung; chưa làm rõ đầy đủ ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT như một hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra. Các vấn đề về khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung pháp luật, các giai đoạn ADPL, điều kiện bảo đảm, trách nhiệm của chủ thể, cơ chế kiểm sát và kiểm soát quyền lực cần tiếp tục được hệ thống hóa dưới góc độ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.

Về thực tiễn, giai đoạn từ năm 2018 - 2025 có 3.445 vụ án, 3.446 bị can được CQCSĐT đình chỉ do MTNHS; riêng 6 tháng đầu năm 2026 có 105 vụ án, 133 bị can. Số liệu 6 tháng đầu năm 2026 chỉ được sử dụng để cập nhật tình hình, nhận diện xu hướng mới, không thay thế số liệu tổng kết năm và không so sánh trực tiếp với số liệu của một năm

đầy đủ. Thực tiễn vẫn còn hạn chế trong nhận diện, chứng minh căn cứ MTNHS; lựa chọn, viện dẫn quy phạm; phân biệt căn cứ chung với căn cứ đặc thù; ban hành, tổ chức thực hiện quyết định; phối hợp, kiểm sát, thống kê và tổng kết thực tiễn. Số vụ án và bị can được MTNHS có xu hướng giảm xét trên toàn giai đoạn, rõ hơn trong những năm cuối, nhưng sự giảm số lượng không thể mặc nhiên được coi là kết quả tích cực hoặc hạn chế nếu tách rời chất lượng của từng quyết định ADPL.

Từ yêu cầu hoàn thiện cơ sở lý luận, đánh giá đúng thực trạng và đề xuất giải pháp bảo đảm ADPL khách quan, đúng căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài *“Áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam”* làm luận án tiến sĩ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận, phân tích pháp luật và đánh giá thực trạng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

*Một là*, tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài có liên quan đến đề tài, đánh giá những kết quả đã đạt được và xác định những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu; *hai là*, làm rõ cơ sở lý luận của ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT, gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung pháp luật, các giai đoạn ADPL và điều kiện bảo đảm; đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia để rút ra giá trị tham khảo cho Việt Nam; *ba là*, phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đánh giá thực trạng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam; chỉ ra kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan của những hạn chế đó; *bốn là*, đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài**

Đề tài tập trung nghiên cứu ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài**

- *Về nội dung:* Luận án nghiên cứu ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Luận án không nghiên cứu độc lập, toàn diện việc MTNHS đối với pháp nhân thương mại phạm tội; nội dung này chỉ được đề cập ở mức cần thiết khi kiến nghị hoàn thiện pháp luật có liên quan. Luận án không nghiên cứu toàn bộ hoạt động MTNHS của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) và Tòa án nhân dân (TAND), mà chỉ xem xét các chủ thể này trong quan hệ phối hợp, kiểm sát và đối chiếu cần thiết với ADPL của CQCSĐT.

- *Về không gian:* Luận án nghiên cứu ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT trên phạm vi cả nước Việt Nam.

- *Về thời gian:* Luận án tập trung nghiên cứu thông tin, số liệu và dữ liệu thực tiễn trong giai đoạn 2018 - 2025. Một số số liệu 6 tháng đầu năm 2026 và văn bản, tài liệu mới đến ngày 30/6/2026 được cập nhật nhằm nhận diện những biến động mới có liên quan, không được sử dụng thay thế số liệu tổng kết năm hoặc so sánh trực tiếp với số liệu của một năm đầy đủ.

### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **4.1. Cơ sở lý luận**

Cơ sở lý luận của đề tài là học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, bảo vệ quyền con người, kiểm soát quyền lực nhà nước và phòng, chống tội phạm; được vận dụng trực tiếp vào nghiên cứu ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT.

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy

vật lịch sử; tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước, pháp luật và bảo vệ quyền con người; đồng thời quán triệt quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, kiểm soát quyền lực nhà nước và chính sách hình sự nhân đạo.

Luận án vận dụng có chọn lọc cách tiếp cận dựa trên quyền con người (HRBA), xác định bị can, bị hại và người có quyền, lợi ích liên quan là các chủ thể quyền; CQCSĐT và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là các chủ thể có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền đó theo pháp luật. Cách tiếp cận này không coi MTNHS là quyền đương nhiên của người bị buộc tội, mà dùng các yêu cầu về tính hợp pháp, bình đẳng, không phân biệt đối xử và trách nhiệm giải trình để đánh giá cả nguy cơ áp dụng thiếu căn cứ và nguy cơ không áp dụng kịp thời đối với trường hợp đủ điều kiện.

Bên cạnh đó, luận án sử dụng cách tiếp cận liên ngành ở mức cần thiết giữa lý luận nhà nước và pháp luật, luật hình sự, luật TTHS và khoa học tổ chức điều tra hình sự. Các phương pháp cụ thể gồm: nghiên cứu tài liệu; phân tích, tổng hợp, lịch sử - logic và hệ thống; so sánh pháp luật; thống kê và nghiên cứu điển hình. Số liệu được kiểm tra, đối chiếu, phân tích theo cơ cấu tỷ lệ, xu hướng và tỷ trọng; số liệu cần bảo đảm bí mật nhà nước chỉ được công bố dưới dạng tỷ lệ. Các trường hợp nghiên cứu điển hình được lựa chọn có chủ đích, mã hóa và sử dụng để phân tích định tính, không suy rộng thành cơ cấu chung trên phạm vi cả nước.

## **5. Những đóng góp mới của đề tài**

- *Thứ nhất*, luận án bổ sung luận cứ lý luận về ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT; xây dựng khái niệm, làm rõ đặc điểm, vai trò, nội dung pháp luật, các giai đoạn ADPL và điều kiện bảo đảm. Qua đó, luận án góp phần nhận diện rõ hơn đây là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra, gắn với yêu cầu bảo vệ quyền con người và kiểm soát việc thực hiện thẩm quyền tố tụng.

- *Thứ hai*, luận án hệ thống hóa các yếu tố ảnh hưởng; phân tích, đánh giá thực trạng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở

Việt Nam trên cơ sở số liệu thống kê, tài liệu thực tiễn và các trường hợp nghiên cứu điển hình; chỉ ra kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan của những hạn chế đó.

- *Thứ ba*, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam theo hướng gắn từng giải pháp với hạn chế và nguyên nhân đã được xác định; đáp ứng yêu cầu hoàn thiện pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật, bảo vệ quyền con người và kiểm soát quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung, làm rõ lý luận về ADPL trong lĩnh vực TTHS, đặc biệt là ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT dưới góc độ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình hoàn thiện pháp luật, hướng dẫn và tổ chức thực hiện ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT; phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Cảnh sát nhân dân, các cơ sở đào tạo luật và các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành TTHS.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án bao gồm 04 chương, 11 tiết.

## Chương 1

# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

## 1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Luận án đã tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài có liên quan đến ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Việc tổng quan được thực hiện theo hướng chọn lọc, bám sát đề tài, qua đó xác định những kết quả có thể kế thừa và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ.

### 1.1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

Các công trình nghiên cứu trong nước được luận án hệ thống theo ba nhóm nội dung chủ yếu: cơ sở lý luận; thực trạng; quan điểm và giải pháp bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Các chương trình KX.02/21-25 và KX.04/21-25 được sử dụng có chọn lọc ở phương diện tham khảo phương pháp luận về tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước pháp quyền, quyền con người và kiểm soát quyền lực; không được coi là công trình trực tiếp nghiên cứu MTNHS đối với bị can của CQCSĐT.

#### *- Đối với nhóm công trình về cơ sở lý luận*

Các nghiên cứu đã cung cấp nền tảng quan trọng về MTNHS, trách nhiệm hình sự (TNHS), miễn hình phạt, loại trừ TNHS và ADPL hình sự. Những công trình này có giá trị tham khảo trong việc nhận diện bản chất pháp lý, điều kiện, hậu quả pháp lý của MTNHS, cũng như cách tiếp cận ADPL trong lĩnh vực hình sự.

#### *- Đối với nhóm công trình về thực trạng*

Các nghiên cứu đã phản ánh một số khó khăn, vướng mắc trong nhận thức và vận dụng các căn cứ MTNHS, nhất là đối với Điều 29 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015. Một số công trình đã chỉ ra tình trạng áp dụng chưa thống nhất, cách hiểu khác nhau về điều kiện MTNHS, hậu quả pháp lý và thẩm quyền áp dụng. Bên cạnh đó, các nghiên cứu về ADPL trong hoạt động điều tra, kiểm sát, xét xử cũng gợi mở phương pháp tiếp cận thực trạng theo chủ thể, giai đoạn và điều kiện bảo đảm.

#### *- Đối với nhóm công trình về quan điểm và giải pháp*

Các nghiên cứu đã đề cập đến yêu cầu hoàn thiện pháp luật hình sự, pháp luật TTHS, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến

hành tố tụng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong TTHS. Đây là nguồn tham khảo quan trọng cho luận án trong quá trình xây dựng quan điểm và giải pháp bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT.

### **1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài**

Luận án khảo cứu các công trình tiếp cận chế định MTNHS từ nhiều góc độ khác nhau như trách nhiệm hình sự, căn cứ MTNHS, điều kiện áp dụng, thực tiễn áp dụng và yêu cầu hoàn thiện pháp luật. Các công trình nghiên cứu về pháp luật Nga, Kazakhstan, Tajikistan và một số hệ thống pháp luật khác có giá trị tham khảo nhất định trong việc nhận diện bản chất pháp lý, giới hạn áp dụng, cơ chế kiểm soát và kinh nghiệm bảo đảm ADPL về MTNHS. Tuy nhiên, do có sự khác biệt về truyền thống pháp luật, mô hình tố tụng, chủ thể có thẩm quyền và phạm vi áp dụng, các kết quả nghiên cứu này chỉ được luận án kế thừa có chọn lọc, phù hợp với điều kiện chính trị, pháp lý và thực tiễn TTHS ở Việt Nam.

## **1.2. ĐÁNH GIÁ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU**

Qua tổng quan tình hình nghiên cứu, luận án xác định các công trình đã công bố có giá trị quan trọng trong việc xây dựng cơ sở lý luận, đánh giá thực tiễn và gợi mở giải pháp bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Tuy nhiên, các công trình này vẫn còn những khoảng trống nhất định so với yêu cầu nghiên cứu của luận án.

### ***Một là, về phương diện lý luận***

Phần lớn các công trình chủ yếu nghiên cứu MTNHS với tư cách là một chế định của luật hình sự hoặc nghiên cứu định chỉ điều tra do MTNHS dưới góc độ TTHS. Các công trình chưa hình thành hệ thống lý luận đầy đủ về ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT với tư cách là hoạt động thực thi quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra.

### ***Hai là, về phương diện thực tiễn***

Các công trình đã phản ánh một số vướng mắc trong việc nhận diện và áp dụng căn cứ MTNHS, nhưng chưa có công trình nào đánh giá một cách hệ thống thực trạng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT trên phạm vi cả nước, theo các khâu của quá trình ADPL như nhận diện sự kiện pháp lý, lựa chọn quy phạm pháp luật, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định ADPL.

### ***Ba là, về phương diện quan điểm và giải pháp***

Các đề xuất trước đây chủ yếu đặt ở phương diện chung của pháp luật hình sự, pháp luật TTHS hoặc hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung. Các công trình chưa tập trung trực tiếp vào đặc thù chủ thể CQCSĐT trong ADPL về MTNHS đối với bị can ở giai đoạn điều tra.

Từ những khoảng trống nêu trên, luận án xác định các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu gồm: làm rõ cơ sở lý luận của ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT; đánh giá thực trạng ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam; đề xuất quan điểm và giải pháp bảo đảm hoạt động này được thực hiện đúng pháp luật, thống nhất, khách quan, nhân đạo, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm.

## **1.3. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU**

### **1.3.1. Giả thuyết nghiên cứu của luận án**

Áp dụng pháp luật về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra, được tiến hành thông qua việc xác định sự kiện pháp lý, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định tố tụng đối với từng trường hợp cụ thể. Hoạt động này vừa thể hiện chính sách hình sự nhân đạo, khoan hồng, vừa phải bảo đảm nguyên tắc pháp chế, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia TTHS và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Giả thuyết nghiên cứu của luận án là: ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam trong giai đoạn 2018 - 2025, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn hạn chế trong nhận diện và chứng minh căn cứ MTNHS, lựa chọn quy phạm pháp luật, ban hành, tổ chức thực hiện quyết định tố tụng và bảo đảm sự thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị. Những hạn chế này bắt nguồn từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có sự chưa hoàn thiện của pháp luật và hướng dẫn áp dụng, bất cập về tổ chức thực hiện, năng lực của chủ thể ADPL, cơ chế phối hợp, kiểm sát, kiểm tra, thống kê, tổng kết thực tiễn và các điều kiện bảo đảm.

Việc làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá đúng thực trạng và nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là căn cứ để xây dựng hệ thống quan điểm, giải pháp tương ứng, nhằm bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT được thực hiện đúng căn cứ, đúng thẩm quyền,

đúng trình tự, thủ tục, khách quan, thống nhất và có thể kiểm soát trong thực tiễn.

### **1.3.2. Câu hỏi nghiên cứu**

*Thứ nhất*, tình hình nghiên cứu trong nước và nước ngoài đã làm rõ những nội dung nào về MTNHS và ADPL về MTNHS đối với bị can; những vấn đề nào cần được luận án tiếp tục nghiên cứu dưới góc độ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật?

*Thứ hai*, ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT có khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung pháp luật, các giai đoạn và điều kiện bảo đảm như thế nào?

*Thứ ba*, những yếu tố nào ảnh hưởng đến ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT; thực tiễn áp dụng ở Việt Nam trong giai đoạn 2018 - 2025 đã đạt được kết quả gì, còn những hạn chế nào và nguyên nhân của các hạn chế đó là gì?

*Thứ tư*, cần quán triệt những quan điểm và thực hiện những giải pháp nào để bảo đảm ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam đúng pháp luật, thống nhất, khách quan, bảo vệ quyền con người, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm?

## **Chương 2**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA**

#### **2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA**

Luận án làm rõ các khái niệm bị can, MTNHS, ADPL và khái niệm trung tâm là ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT. Trong phạm vi luận án, bị can được hiểu là cá nhân đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố về hình sự và có tư cách pháp lý độc lập trong quan hệ pháp luật TTHS; khi có đủ căn cứ, điều kiện luật định, cá nhân đó có thể được CQCSĐT xem xét ADPL về MTNHS trong giai đoạn điều tra.

Miễn trách nhiệm hình sự là việc Nhà nước, thông qua cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, không buộc người đã thực hiện hành vi phạm tội phải chịu TNHS khi có đủ căn cứ và điều kiện do pháp luật quy

định, đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, giáo dục người phạm tội, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và thể hiện chính sách hình sự nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước. MTNHS chỉ đặt ra đối với người đã thực hiện hành vi có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm và về nguyên tắc phải chịu TNHS; vì vậy phải được phân biệt với trường hợp không có tội, hành vi không cấu thành tội phạm, trường hợp loại trừ TNHS và miễn hình phạt.

Trên cơ sở đó, luận án xác định: “ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước do CQCSĐT thực hiện thông qua người có thẩm quyền trong giai đoạn điều tra, trên cơ sở kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ để xác định căn cứ, điều kiện MTNHS, lựa chọn quy phạm pháp luật hình sự và pháp luật TTHS phù hợp, ban hành quyết định tố tụng cá biệt làm phát sinh hậu quả pháp lý về MTNHS đối với bị can và chịu sự kiểm sát của VKSND”.

Nội hàm của khái niệm thể hiện sự thống nhất giữa chủ thể ADPL là CQCSĐT; đối tượng áp dụng là bị can trong VAHS cụ thể; căn cứ áp dụng là pháp luật hình sự và pháp luật TTHS về MTNHS; nội dung áp dụng là xác định sự kiện pháp lý, đánh giá chứng cứ, lựa chọn quy phạm và ban hành quyết định tố tụng; hậu quả pháp lý là bị can không bị tiếp tục truy cứu TNHS đối với hành vi thuộc phạm vi quyết định MTNHS.

Luận án xác định năm đặc điểm: đây là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước thuộc chức năng của CQCSĐT và được tiến hành thông qua người có thẩm quyền; đối tượng xem xét trong phạm vi pháp luật hiện hành và đề tài là bị can trong VAHS cụ thể; hoạt động được thực hiện trên cơ sở thống nhất giữa pháp luật hình sự và pháp luật TTHS; là quá trình cá biệt hóa pháp luật dựa trên việc kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ và ban hành quyết định tố tụng; là hoạt động có điều kiện, thể hiện chính sách hình sự nhân đạo nhưng phải cân bằng giữa bảo vệ quyền con người và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Về vai trò, ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT góp phần bảo đảm quyền con người, quyền của bị can và quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan; cá biệt hóa việc xử lý TNHS; giáo dục người phạm tội, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; kiểm nghiệm, hoàn thiện pháp luật và bảo đảm áp dụng thống nhất; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và nâng cao hiệu quả hoạt động TTHS.

## **2.2. NỘI DUNG PHÁP LUẬT VÀ CÁC GIAI ĐOẠN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA**

### **2.2.1. Nội dung pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra**

Luận án tiếp cận nội dung pháp luật về MTNHS theo các nhóm căn cứ pháp lý có cùng bản chất điều chỉnh, làm rõ mối quan hệ giữa BLHS, BLTTHS và hoạt động ADPL của CQCSĐT trong giai đoạn điều tra.

*Một là*, nhóm căn cứ mang tính hoàn cảnh và chính sách hình sự, gồm: tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội; thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi không còn nguy hiểm cho xã hội; đại xá; chuyển biến của tình hình làm cho người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội; người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội; tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào phát hiện, điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế hậu quả và lập công lớn hoặc có công hiến đặc biệt; trường hợp phạm tội nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả và được bị hại hoặc người đại diện hợp pháp hòa giải, đề nghị MTNHS.

*Hai là*, nhóm nội dung pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội. Trong giai đoạn nghiên cứu từ năm 2018 - 2025, khoản 2 Điều 91 BLHS năm 2015 là căn cứ MTNHS đặc thù đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Từ ngày 01/01/2026, Luật Tư pháp người chưa thành niên có hiệu lực và Chương XII BLHS năm 2015 được bãi bỏ; trước hết phải xem xét căn cứ MTNHS theo BLHS, trường hợp không thuộc diện MTNHS mới xem xét biện pháp xử lý chuyển hướng theo Luật Tư pháp người chưa thành niên. Việc áp dụng phải bảo đảm lợi ích tốt nhất, quyền tham gia tố tụng, quyền được trợ giúp pháp lý và sự tham gia của người đại diện, đồng thời bảo vệ quyền của bị hại và yêu cầu phòng ngừa tội phạm.

*Ba là*, nhóm căn cứ gắn với cấu thành và loại tội phạm cụ thể, gồm: người trồng cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa hoặc cây khác có chứa chất ma túy; người đưa hối lộ chủ động khai báo trước khi bị

phát giác; người môi giới hối lộ chủ động khai báo trước khi bị phát giác; người không tố giác tội phạm nhưng đã có hành động can ngăn người phạm tội hoặc hạn chế tác hại của tội phạm. Đối với tội đưa hối lộ, khoản 7 Điều 364 BLHS là căn cứ trực tiếp, đặc thù; Điều 29 BLHS chỉ là cơ sở chung của chế định MTNHS.

Theo pháp luật hiện hành, MTNHS không phải là căn cứ không khởi tố VAHS tại Điều 157 BLTTHS năm 2015. Vì vậy, việc nhận diện sớm các tình tiết có ý nghĩa đối với MTNHS không đồng nghĩa với việc dùng văn bản dưới luật để bổ sung căn cứ không khởi tố ngoài luật định.

### **2.2.2. Các giai đoạn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra**

Luận án xác định bốn giai đoạn cơ bản: *thứ nhất*, xác định, phân tích, đánh giá các tình tiết của VAHS và tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa đối với MTNHS; *thứ hai*, lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp, phân biệt căn cứ chung với căn cứ trực tiếp, đặc thù; *thứ ba*, ban hành quyết định tố tụng cá biệt theo đúng căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, trong đó VKSND thực hiện chức năng kiểm sát chứ không phê chuẩn quyết định của CQCSĐT; *thứ tư*, tổ chức thực hiện quyết định, gồm gửi, tổng đạt, thông báo, hủy bỏ biện pháp tố tụng khi không còn căn cứ, xử lý hậu quả pháp lý, lưu trữ, thống kê, báo cáo và rút kinh nghiệm.

## **2.3. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA**

Luận án xác định năm nhóm điều kiện bảo đảm chủ yếu.

### **2.3.1. Điều kiện bảo đảm chính trị**

Sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng đối với công tác xây dựng, thi hành pháp luật, cải cách tư pháp và chính sách hình sự nhân đạo là định hướng để ADPL về MTNHS được thực hiện đúng mục đích, gắn với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền con người và kiểm soát quyền lực.

### **2.3.2. Điều kiện bảo đảm pháp lý**

Hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, rõ ràng và khả thi là cơ sở để hoạt động ADPL được thực hiện hợp hiến, hợp pháp, đúng căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục; ngăn ngừa cả việc áp dụng tùy tiện và việc bỏ qua trường hợp đủ điều kiện MTNHS.

### **2.3.3. Điều kiện bảo đảm về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực của Cơ quan Cảnh sát điều tra**

Tổ chức bộ máy hợp lý, phân công trách nhiệm rõ ràng và đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT, Điều tra viên (ĐTV), Cán bộ điều tra (CBĐT) có bản lĩnh, trình độ, kỹ năng nghiệp vụ là yếu tố trực tiếp quyết định chất lượng nhận diện căn cứ, đánh giá chứng cứ và ban hành quyết định tố tụng.

### **2.3.4. Điều kiện bảo đảm quan hệ phối hợp**

Cơ chế phối hợp giữa CQCSĐT với VKSND, TAND và các cơ quan có liên quan góp phần thống nhất nhận thức, kiểm soát quyền lực, bảo đảm tính khách quan và chặt chẽ trong quá trình xem xét MTNHS. Trong đó, VKSND kiểm sát tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định, không thay thế thẩm quyền quyết định của CQCSĐT.

### **2.3.5. Bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật**

Trụ sở, phương tiện kỹ thuật, thiết bị ghi âm, ghi hình, hệ thống lưu trữ, phần mềm nghiệp vụ, kết nối dữ liệu và bảo mật thông tin là cơ sở hỗ trợ thu thập, quản lý chứng cứ, thống kê, báo cáo, rút kinh nghiệm và chuyển đổi số trong hệ thống nghiệp vụ được kiểm soát.

## **2.4. ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỚI VIỆT NAM**

Luận án lựa chọn Liên bang Nga, Cộng hòa Kazakhstan và Cộng hòa Tajikistan làm nhóm quốc gia nghiên cứu trọng tâm vì có truyền thống pháp luật thành văn, chịu ảnh hưởng nhất định của mô hình pháp luật hình sự Xô Viết, có quy định tương đối rõ về MTNHS và cơ chế áp dụng gắn với điều tra, kiểm sát, đình chỉ vụ án hoặc đình chỉ điều tra. Trung Quốc, Nhật Bản và Quy chế Rome/ICC được khảo cứu ở mức độ sàng lọc, đối chiếu để làm rõ phạm vi lựa chọn và giá trị tham khảo.

Từ kinh nghiệm quốc tế, luận án rút ra các giá trị tham khảo: đặt MTNHS trong quy trình điều tra có kiểm soát pháp lý chặt chẽ; chuẩn hóa hồ sơ, tiêu chí, căn cứ và biểu mẫu; gắn MTNHS với nghĩa vụ khắc phục hậu quả, hòa giải, bồi thường khi pháp luật cho phép; tăng cường kiểm sát, hậu kiểm, thống kê và trách nhiệm giải trình. Việc tiếp thu phải có chọn lọc, phù hợp với điều kiện chính trị, pháp lý, tổ chức và mô hình TTHS của Việt Nam, không sao chép máy móc.

### **Chương 3**

## **CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM**

### **3.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM**

Luận án xác định các yếu tố ảnh hưởng đến ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT không phải là nội dung đánh giá trực tiếp thực trạng áp dụng, mà là những điều kiện, bối cảnh và tác động chi phối quá trình nhận diện căn cứ, lựa chọn quy phạm, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định ADPL trong thực tiễn.

#### **3.1.1. Tổ chức bộ máy và hoạt động Cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an nhân dân**

Cơ quan Cảnh sát điều tra là chủ thể trung tâm trong giai đoạn điều tra, có trách nhiệm phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ và ban hành quyết định tố tụng theo thẩm quyền. Vì vậy, cơ cấu tổ chức, trình độ, kinh nghiệm, bản lĩnh và năng lực thực thi nhiệm vụ của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT, Điều tra viên và Cán bộ điều tra có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng ADPL về MTNHS đối với bị can.

Số liệu được xử lý dưới dạng cơ cấu tỷ lệ cho thấy đội ngũ lãnh đạo CQCSĐT có nền tảng chức danh điều tra tương đối vững; lực lượng ĐTV, CBĐT trực tiếp xử lý ban đầu tập trung chủ yếu ở cấp tỉnh và Công an cấp xã. Từ năm 2025, mô hình tổ chức CQCSĐT có sự thay đổi theo hướng không còn tổ chức CQCSĐT cấp huyện, làm phát sinh yêu cầu phân định rõ trách nhiệm giữa CQCSĐT cấp tỉnh, các đơn vị nghiệp vụ và Công an cấp xã trong tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, phát hiện sớm căn cứ MTNHS, báo cáo và đề xuất xử lý.

#### **3.1.2. Tình hình áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam**

Luận án phân tích tình hình áp dụng thông qua quy mô, số lượng, xu hướng; cơ cấu theo căn cứ pháp lý của BLHS và nhóm tội danh; đặc điểm nhân thân; tác động tích cực và các nguy cơ phát sinh trong thực tiễn. Phụ lục 7 sử dụng 18 trường hợp nghiên cứu điển hình đã được mã hóa để phân tích định tính, không phải mẫu thống kê đại diện và không được suy rộng thành cơ cấu chung toàn quốc.

Giai đoạn từ năm 2018 - 2025 có 3.445 vụ án, 3.446 bị can được đình chỉ do MTNHS; số liệu 6 tháng đầu năm 2026 gồm 105 vụ án, 133 bị can được trình bày riêng để cập nhật xu hướng. Xét trên toàn giai đoạn, số vụ án và bị can được MTNHS có xu hướng giảm, rõ hơn trong những năm cuối nhưng không giảm liên tục qua từng năm. Khoản 3 Điều 29 BLHS là căn cứ được áp dụng chủ yếu; nhóm tội xâm phạm trật tự công cộng và nhóm tội xâm phạm sở hữu có tỷ trọng đáng chú ý. Xu hướng giảm không được coi mặc nhiên là tích cực hoặc hạn chế, mà phải đặt trong mối quan hệ với căn cứ, điều kiện và chất lượng từng quyết định.

### **3.2. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM**

Luận án đánh giá thực trạng theo bốn giai đoạn ADPL và làm rõ kết quả đạt được, nguyên nhân của kết quả; hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế.

#### **3.2.1. Kết quả đạt được trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam và nguyên nhân của kết quả đạt được**

##### ***3.2.1.1. Kết quả đạt được trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam***

Ở giai đoạn xác định, phân tích, đánh giá các tình tiết của VAHS, CQCSĐT đã chú trọng hơn đến việc thu thập, kiểm tra, đánh giá không chỉ chứng cứ về hành vi phạm tội mà còn các tình tiết về nhân thân, thái độ khai báo, việc khắc phục hậu quả, bồi thường, hòa giải và những yếu tố có ý nghĩa đối với MTNHS. Ở giai đoạn lựa chọn quy phạm, việc đối chiếu tình tiết vụ án với từng căn cứ luật định được thực hiện thận trọng hơn; các căn cứ chung và căn cứ đặc thù từng bước được nhận diện, phân biệt rõ hơn.

Ở giai đoạn ban hành quyết định, việc đình chỉ điều tra do MTNHS được đặt trong cơ chế kiểm tra và kiểm sát chặt chẽ hơn; quyết định phải dựa trên tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, đúng căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Ở giai đoạn tổ chức thực hiện, CQCSĐT đã chú ý hơn đến việc gửi, tổng đạt, thông báo quyết định, xử lý hậu quả pháp lý, lưu hồ sơ, thống kê, báo cáo và rút kinh nghiệm; qua đó góp phần bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của bị can, bị hại và các chủ thể liên quan.

Nhìn chung, ADPL về MTNHS đã góp phần thực hiện chính sách hình sự nhân đạo, cá biệt hóa TNHS, khuyến khích người phạm tội sửa chữa sai lầm, khắc phục hậu quả và hòa giải với bị hại; đồng thời giúp xử lý kịp thời các trường hợp không còn cần thiết phải tiếp tục truy cứu TNHS và nâng cao hiệu quả hoạt động điều tra.

### ***3.2.1.2. Nguyên nhân của kết quả đạt được trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam***

Kết quả đạt được xuất phát từ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; sự hoàn thiện từng bước của pháp luật hình sự, pháp luật TTHS và các văn bản hướng dẫn; sự trưởng thành về bản lĩnh, năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT, ĐTV, CBĐT; cơ chế phối hợp, kiểm sát giữa CQCSĐT với VKSND; công tác kiểm tra, tổng kết, rút kinh nghiệm và việc từng bước bảo đảm cơ sở vật chất, dữ liệu, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động điều tra.

### ***3.2.2. Hạn chế trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam và nguyên nhân***

#### ***3.2.2.1. Hạn chế của áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam***

*Thứ nhất*, việc nhận diện và chứng minh căn cứ, điều kiện MTNHS trong một số trường hợp chưa thật sự toàn diện, thống nhất, nhất là đối với các căn cứ có nội dung định tính như chuyển biến của tình hình, người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội, lập công lớn, có cống hiến đặc biệt, tự nguyện sửa chữa, bồi thường và hòa giải.

*Thứ hai*, việc lựa chọn và viện dẫn quy phạm trong một số vụ án chưa chính xác về kỹ thuật pháp lý; còn trường hợp chưa phân biệt rõ MTNHS với không cấu thành tội phạm, loại trừ TNHS hoặc miễn hình phạt; chưa xác định rõ căn cứ trực tiếp khi viện dẫn đồng thời Điều 29 BLHS với căn cứ đặc thù. Đối với tội đưa hối lộ, khoản 7 Điều 364 BLHS phải được xác định là căn cứ trực tiếp, đặc thù.

*Thứ ba*, hình thức quyết định và biểu mẫu tố tụng liên quan đến MTNHS chưa được chuẩn hóa đầy đủ; một số quyết định, báo cáo chưa thể hiện rõ căn cứ pháp lý, điều kiện áp dụng, phạm vi hậu quả pháp lý và cách xử lý các vấn đề liên quan, làm giảm tính minh bạch và khả năng kiểm soát.

*Thứ tư*, việc tổ chức thực hiện quyết định, phối hợp và kiểm sát có trường hợp chưa kịp thời, đồng bộ; công tác gửi, tổng đạt, thông báo, xử lý hậu quả pháp lý, giải quyết khiếu nại và trao đổi giữa CQCSĐT với VKSND còn nội dung cần tiếp tục chuẩn hóa.

*Thứ năm*, công tác thống kê, báo cáo, tổng kết, rút kinh nghiệm và các điều kiện bảo đảm còn hạn chế; chưa có hệ thống dữ liệu riêng, thống nhất theo căn cứ áp dụng, nhóm tội danh và kết quả kiểm sát. Năng lực của một bộ phận chủ thể ADPL chưa đồng đều; cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng dữ liệu giữa các đơn vị chưa đồng bộ. Những hạn chế này làm phát sinh đồng thời nguy cơ áp dụng MTNHS khi chưa đủ căn cứ và nguy cơ không nhận diện, không áp dụng kịp thời đối với trường hợp đủ điều kiện.

### ***3.2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam***

*Thứ nhất*, nhận thức pháp luật và tư duy ADPL về MTNHS của một bộ phận chủ thể chưa thật sự thống nhất; chưa nhận thức đầy đủ mối quan hệ giữa tính nhân đạo, khoan hồng với nguyên tắc pháp chế, tính nghiêm minh và trách nhiệm giải trình.

*Thứ hai*, một số quy định pháp luật về MTNHS còn có nội dung định tính, tùy nghi; sự liên kết giữa BLHS và BLTTHS còn nội dung chưa đồng bộ; hướng dẫn áp dụng, biểu mẫu, trình tự nghiệp vụ và cách ghi nhận căn cứ trong hồ sơ, quyết định, báo cáo chưa đầy đủ.

*Thứ ba*, năng lực, trình độ, kỹ năng đánh giá chứng cứ, nhận diện căn cứ, lựa chọn quy phạm, lập luận và giải trình của một bộ phận Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT, ĐTV và CBĐT chưa đồng đều.

*Thứ tư*, tổ chức bộ máy CQCSĐT có sự thay đổi từ năm 2025, đặt ra yêu cầu mới về phân công, hướng dẫn, phối hợp và kiểm soát giữa CQCSĐT cấp tỉnh, các đơn vị nghiệp vụ và Công an cấp xã. Đây là yếu tố mới tác động đến tổ chức thực hiện, không phải nguyên nhân giải thích ngược toàn bộ hạn chế của giai đoạn từ năm 2018 - 2024.

*Thứ năm*, cơ chế phối hợp liên ngành chưa được chuẩn hóa đầy đủ và chưa gắn chặt với từng giai đoạn ADPL; việc trao đổi giữa CQCSĐT với VKSND về căn cứ, điều kiện, tài liệu chứng minh, hình thức quyết định và hậu quả pháp lý trong một số trường hợp chưa kịp thời.

*Thứ sáu*, công tác kiểm tra, kiểm sát, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa được tiến hành đồng bộ, thường xuyên và gần đầy đủ với trách nhiệm giải trình của người có thẩm quyền.

*Thứ bảy*, công tác thống kê, báo cáo, tổng kết thực tiễn và rút kinh nghiệm chưa được chuẩn hóa; việc phân loại số liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ trực tiếp ADPL về MTNHS còn hạn chế.

*Thứ tám*, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, dữ liệu nghiệp vụ và chuyển đổi số chưa đồng bộ; kinh nghiệm quốc tế chưa được chuyển hóa đầy đủ thành gợi mở về tiêu chí kiểm tra, biểu mẫu, dữ liệu, thống kê và phối hợp. Tuy nhiên, việc chưa tiếp thu kinh nghiệm quốc tế không được coi là nguyên nhân trực tiếp của từng sai sót trong ADPL.

Việc xác định đúng các nhóm nguyên nhân là cơ sở trực tiếp để xây dựng hệ thống giải pháp tương ứng tại Chương 4, bảo đảm không nêu hạn chế mà thiếu nguyên nhân, không đề xuất giải pháp không có vấn đề thực tiễn chứng minh.

## **Chương 4**

### **QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM**

#### **4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM**

Việc xác định quan điểm bảo đảm ADPL về MTNHS phải đặt trong bối cảnh tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, bảo vệ quyền con người; thay đổi tổ chức bộ máy CQCSĐT; tình hình tội phạm ngày càng đa dạng, phức tạp; yêu cầu chuyển đổi số, chuẩn hóa dữ liệu, thống kê, báo cáo và rút kinh nghiệm. Hệ thống quan điểm phải vừa bảo đảm tính nhân đạo, khoan hồng, vừa giữ vững pháp chế, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt tội phạm.

##### **4.1.1. Bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam**

Sự lãnh đạo của cấp ủy được thực hiện thông qua định hướng chính trị - pháp lý, xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ, kiểm tra, giám

sát, phòng ngừa tiêu cực và bảo đảm điều kiện hoạt động; không làm thay hoạt động tố tụng, không lựa chọn căn cứ MTNHS hoặc can thiệp vào việc giải quyết từng VAHS cụ thể. CQCSĐT và người có thẩm quyền chịu trách nhiệm độc lập về quyết định của mình và chịu sự kiểm sát của VKSND.

#### **4.1.2. Bảo đảm tính nghiêm minh, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam**

Mọi quyết định phải dựa trên căn cứ pháp luật rõ ràng, tài liệu, chứng cứ đầy đủ và lập luận có thể kiểm tra; đúng đối tượng, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và hình thức. Công khai, minh bạch được hiểu là căn cứ, quy trình và trách nhiệm ADPL phải rõ ràng, thống nhất, có khả năng kiểm tra, không phải công bố bí mật nhà nước, bí mật điều tra hoặc dữ liệu cá nhân. ĐTV, CBĐT chịu trách nhiệm về tài liệu, chứng cứ và nội dung đề xuất; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT chịu trách nhiệm về việc kiểm tra hồ sơ, lựa chọn căn cứ, ban hành và tổ chức thực hiện quyết định.

#### **4.1.3. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam**

Cơ quan Cảnh sát điều tra phải thu thập, đánh giá khách quan cả chứng cứ buộc tội, gỡ tội và tình tiết có ý nghĩa đối với MTNHS; chủ động nhận diện, xem xét đầy đủ, kịp thời các căn cứ luật định; bảo đảm quyền được biết, quyền bào chữa, quyền đưa ra chứng cứ, yêu cầu và quyền khiếu nại. Khi không đủ căn cứ buộc tội phải áp dụng căn cứ tố tụng tương ứng, không được chuyển sang MTNHS; khi đủ căn cứ MTNHS phải chấm dứt kịp thời các biện pháp tố tụng bất lợi không còn căn cứ.

#### **4.1.4. Bảo đảm giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam**

Miễn trách nhiệm hình sự không đồng nghĩa với dung túng, mà là phương thức xử lý có điều kiện. CQCSĐT phải đánh giá toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả, vai trò của từng bị can, mức độ khắc phục, khả năng tái phạm, quyền của bị hại và tác động xã

hội của quyết định; đồng thời không được dùng yêu cầu giữ gìn an ninh, trật tự như lý do chung để thu hẹp hoặc từ chối áp dụng đối với trường hợp đã đủ điều kiện.

#### **4.1.5. Bảo đảm chính sách nhân đạo trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam**

Chính sách nhân đạo phải được thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời trên cơ sở pháp luật, chứng cứ và trách nhiệm giải trình; tạo điều kiện để người phạm tội khắc phục hậu quả, sửa chữa sai lầm và tái hòa nhập. Tính nhân đạo không đồng nghĩa với dễ dãi, dung túng hoặc sử dụng MTNHS để giảm số lượng VAHS; cũng không cho phép tâm lý e ngại trách nhiệm dẫn đến bỏ qua trường hợp đủ điều kiện.

### **4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI BỊ CAN CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA Ở VIỆT NAM**

Luận án đề xuất tám nhóm giải pháp có quan hệ chặt chẽ, tương ứng với các hạn chế và nguyên nhân đã xác định.

#### **4.2.1. Hoàn thiện pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam**

Đối với BLHS, cần làm rõ các căn cứ, điều kiện MTNHS còn mang tính định tính; hoàn thiện Điều 29 và phân biệt căn cứ chung với căn cứ trực tiếp, đặc thù trong Phần các tội phạm cụ thể; bảo đảm quy định đối với pháp nhân thương mại được thiết kế đầy đủ, thống nhất. Đối với BLTTHS, trước mắt cần hướng dẫn liên ngành về nhận diện sớm, thu thập, kiểm tra, đánh giá tình tiết có ý nghĩa đối với MTNHS và trình tự xử lý trong giai đoạn giải quyết nguồn tin, giai đoạn điều tra; không dùng văn bản dưới luật để bổ sung căn cứ không khởi tố ngoài Điều 157. Nếu trong tương lai cơ quan lập pháp lựa chọn cơ chế MTNHS trước khi khởi tố bị can, phải sửa đổi đồng bộ BLHS, BLTTHS và pháp luật về tổ chức CQĐTTHS, quy định rõ tiêu chuẩn chứng minh, thẩm quyền, hình thức quyết định, cơ chế kiểm sát, quyền khiếu nại, quyền của bị hại và hậu quả pháp lý. Cần chuẩn hóa quyết định, biểu mẫu, hồ sơ, việc gửi, tổng đạt, thống kê và giải quyết khiếu nại. Các Dự thảo Luật năm 2026 chỉ được dùng để nhận diện xu hướng lập pháp.

#### **4.2.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động nâng cao chất lượng của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam**

Cần phân định rõ trách nhiệm giữa CQCSĐT cấp Bộ, cấp tỉnh, các đơn vị nghiệp vụ và Công an cấp xã trong tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, phát hiện sớm căn cứ MTNHS, báo cáo và đề xuất xử lý; thiết lập cơ chế hướng dẫn, kiểm tra và kiểm soát trách nhiệm cá nhân, bảo đảm thay đổi mô hình tổ chức không làm gián đoạn hoặc kéo dài việc xem xét trường hợp đủ điều kiện MTNHS.

#### **4.2.3. Tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ và kỹ năng nghiệp vụ của các chủ thể có thẩm quyền trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can ở Việt Nam**

Tổ chức bồi dưỡng chuyên sâu theo chuyên đề và tình huống điển hình về kỹ năng thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ; nhận diện căn cứ, điều kiện MTNHS; phân biệt MTNHS với không cấu thành tội phạm, loại trừ TNHS, miễn hình phạt; lựa chọn quy phạm; lập luận, giải trình và ban hành quyết định đúng căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

#### **4.2.4. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam**

Bảo đảm điều kiện làm việc, thiết bị kỹ thuật, ghi âm, ghi hình, kho lưu trữ, phần mềm nghiệp vụ, kết nối dữ liệu và bảo mật thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý hồ sơ điện tử và hạ tầng kỹ thuật trong hệ thống nghiệp vụ được kiểm soát để phục vụ thu thập, bảo quản chứng cứ, thống kê, báo cáo và rút kinh nghiệm. Luận án không đề xuất đưa dữ liệu hồ sơ vụ án lên các công cụ trí tuệ nhân tạo bên ngoài.

#### **4.2.5. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam**

Thiết lập cơ chế trao đổi giữa CQCSĐT với VKSND ngay khi phát sinh dấu hiệu MTNHS; thống nhất căn cứ, điều kiện, tài liệu cần chứng minh, hình thức quyết định, việc gửi, tổng đạt, kiểm sát, thống kê, báo cáo và rút kinh nghiệm. VKSND thực hiện kiểm sát quyết định đình chỉ điều tra, không phê chuẩn và không thay thế trách nhiệm quyết định của CQCSĐT; TAND và cơ quan liên quan tham gia ở mức độ phù hợp thông qua tổng kết, hướng dẫn và phối hợp liên ngành.

#### **4.2.6. Tiếp tục tăng cường thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam**

Hoạt động thanh tra, kiểm tra cần tập trung vào tính có căn cứ, hợp pháp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và trách nhiệm giải trình; phát hiện cả trường hợp áp dụng MTNHS thiếu căn cứ và trường hợp đủ điều kiện nhưng không được xem xét hoặc bị chậm áp dụng. Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo phải bảo vệ quyền của bị can, bị hại và các chủ thể liên quan.

#### **4.2.7. Thường xuyên tổng kết rút kinh nghiệm trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam**

Lựa chọn vụ án điển hình, gồm cả trường hợp áp dụng đúng và chưa chính xác, để thông báo rút kinh nghiệm; xây dựng hệ thống thống kê riêng, ghi nhận rõ căn cứ áp dụng, loại tội phạm, cơ quan ban hành quyết định, kết quả kiểm sát và vấn đề phát sinh sau đình chỉ; chuẩn hóa báo cáo và ma trận liên kết giữa hạn chế, nguyên nhân, giải pháp.

#### **4.2.8. Tiếp tục tăng cường hợp tác quốc tế trong áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam**

Nghiên cứu có chọn lọc kinh nghiệm của Liên bang Nga, Kazakhstan, Tajikistan và các hệ thống pháp luật khác về chuẩn hóa quy trình, dữ liệu, biểu mẫu, thống kê, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình. Kinh nghiệm quốc tế chỉ là nguồn tham khảo, không được sao chép máy móc và không được coi việc chưa tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài là nguyên nhân trực tiếp của từng sai sót.

Trước mắt, cần ưu tiên hướng dẫn áp dụng thống nhất, chuẩn hóa quyết định, biểu mẫu, thống kê, báo cáo và bồi dưỡng chuyên đề. Về lâu dài, tiếp tục hoàn thiện đồng bộ pháp luật, tổ chức bộ máy, cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật và cơ chế kiểm soát quyền lực, bảo đảm các giải pháp không nhằm tăng hoặc giảm cơ học số vụ án, bị can được MTNHS mà hướng tới áp dụng đúng, đầy đủ, kịp thời, có căn cứ và có thể kiểm soát.

## KẾT LUẬN

Luận án “*Áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam*” được thực hiện trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp và hoàn thiện chính sách hình sự nhân đạo, khoan hồng. Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ cơ chế thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước trong giai đoạn điều tra, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị can, bị hại và các chủ thể có liên quan, đồng thời bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận án đã xây dựng khung lý luận về ADPL đối với các trường hợp MTNHS trong phạm vi đề tài. Theo đó, ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước, được thực hiện trong giai đoạn điều tra thông qua việc kiểm tra, đánh giá tài liệu, chứng cứ; xác định căn cứ, điều kiện MTNHS; lựa chọn quy phạm và ban hành quyết định tố tụng theo thẩm quyền. Hoạt động này phải bảo đảm đúng căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, khách quan, có khả năng kiểm tra, giải trình và chịu sự kiểm sát của VKSND. Luận án cũng làm rõ MTNHS phải được phân biệt với trường hợp không có tội, không cấu thành tội phạm, loại trừ TNHS và miễn hình phạt; theo pháp luật hiện hành, MTNHS không phải là căn cứ không khởi tố VAHS tại Điều 157 BLTTHS năm 2015. Đối với tội đưa hối lộ, khoản 7 Điều 364 BLHS năm 2015 là căn cứ trực tiếp, đặc thù, còn Điều 29 BLHS năm 2015 là cơ sở chung của chế định MTNHS.

Trên phương diện thực tiễn, luận án đã đánh giá ADPL về MTNHS đối với bị can của CQCSĐT ở Việt Nam trong giai đoạn 2018 - 2025; số liệu 6 tháng đầu năm 2026 chỉ được sử dụng để cập nhật xu hướng. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động này đã góp phần thực hiện chính sách hình sự nhân đạo, cá biệt hóa TNHS và bảo vệ quyền của bị can. Số VAHS và bị can được MTNHS có xu hướng giảm xét trên toàn giai đoạn, nhưng sự giảm số lượng không thể mặc nhiên được coi là kết quả tích cực hoặc hạn chế nếu tách rời chất lượng của từng quyết định ADPL.

Thực tiễn vẫn còn hạn chế trong nhận diện, chứng minh căn cứ MTNHS; phân biệt căn cứ chung với căn cứ đặc thù; lựa chọn, viện dẫn quy phạm; ban hành, tổ chức thực hiện quyết định; phối hợp, kiểm sát, thống kê và tổng kết thực tiễn. Những hạn chế này làm phát sinh đồng thời nguy cơ áp dụng MTNHS khi chưa đủ căn cứ và nguy cơ không nhận diện, không áp dụng kịp thời đối với trường hợp đủ điều kiện. Nguyên nhân chủ yếu là pháp luật và hướng dẫn áp dụng còn chưa đồng bộ; một số căn cứ mang tính định tính; biểu mẫu, dữ liệu, thống kê nghiệp vụ chưa được chuẩn hóa đầy đủ; việc phân công, phối hợp, kiểm tra và năng lực của một bộ phận chủ thể ADPL còn hạn chế.

Từ kết quả nghiên cứu, luận án đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp tập trung vào hoàn thiện BLHS, BLTTHS và văn bản hướng dẫn; làm rõ căn cứ, hậu quả pháp lý, thẩm quyền và trình tự ADPL; chuẩn hóa quyết định, biểu mẫu, hồ sơ, dữ liệu và thống kê; phân định trách nhiệm trong CQCSĐT; bồi dưỡng năng lực của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQCSĐT, ĐTV và CBĐT; hoàn thiện cơ chế phối hợp với VKSND, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tổng kết và rút kinh nghiệm. Việc nhận diện căn cứ MTNHS từ giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm phải được thực hiện thận trọng, không dùng văn bản dưới luật để bổ sung căn cứ không khởi tố ngoài Điều 157 BLTTHS. Các Dự thảo Luật năm 2026 chỉ được sử dụng để nhận diện xu hướng lập pháp, không thay thế pháp luật hiện hành và kết quả nghiên cứu giai đoạn từ năm 2018 - 2025.

Các giải pháp của luận án không nhằm tăng hoặc giảm một cách cơ học số VAHS, bị can được MTNHS, mà hướng đến bảo đảm chế định này được áp dụng đúng, đầy đủ, kịp thời, có căn cứ và có thể kiểm soát; qua đó góp phần bảo vệ quyền con người, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và nâng cao chất lượng hoạt động của CQCSĐT trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

### **\* Tạp chí trong nước**

1. Lê Trọng An (6/2024), “*Miễn trách nhiệm hình sự trong Bộ luật hình sự năm 2015 - thực tiễn áp dụng và một số vấn đề đặt ra*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 341, ISSN: 2354 - 0761
2. Lê Trọng An (10/2024), “*Miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự năm 2015*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 345, ISSN: 2354 - 0761
3. Lê Trọng An (02/2025), “*Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng chế định miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 349, ISSN: 2354 - 0761
4. Lê Trọng An (5/2025), “*Vai trò của việc áp dụng quy định pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự với bị can trong hoạt động điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra*”, Tạp chí Quản lý Nhà nước, số 5, ISSN: 2354 - 0761
5. Lê Trọng An (5/2025), “*Nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra*”, Tạp chí giáo dục và xã hội, số 5, ISSN: 1859 - 3917
6. Lê Trọng An (6/2025), “*Miễn trách nhiệm hình sự với bị can của Cơ quan Cảnh sát điều tra và một số đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả*”, Tạp chí Phòng cháy và chữa cháy, số 6, ISSN: 1859 - 4719
7. Lê Trọng An (6/2025), “*Giải pháp nâng cao hiệu lực thực thi chế định miễn trách nhiệm hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra*”, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số 6, ISSN: 1859 - 3917.

### **\* Tạp chí quốc tế**

8. Le Trong An (2024), Tạp chí Luật và pháp luật (Lên Bang Nga - ЗАКОН И ПРАВО) LAW & LEGISLATION số tháng 4/2024 “Институт освобождения от уголовной ответственности, установленный в статье 29 Уголовного кодекса Социалистической Республики Вьетнам 2015 года (с изменениями и дополнениями 2017 года)”, Dịch: “Chế định miễn trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 29, Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017” ISSN: 2073 - 3313
9. Le Trong An (2024), Tạp chí Luật và pháp luật (Lên Bang Nga - ЗАКОН И ПРАВО) LAW & LEGISLATION số tháng 12/2024 “Освобождение от уголовной ответственности несовершеннолетних в соответствии с законодательством Вьетнама”, Dịch: “Chế định miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong pháp luật hình sự Việt Nam” ISSN: 2073 - 3313